

31-5-2007	Nghị quyết số 102/2007/ NQ-HĐND về Quy hoạch tổng thể phát triển các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020.	45
31-5-2007	Nghị quyết số 103/2007/NQ-HĐND về Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hoá và Hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2006-2010, định hướng đến 2015.	51
31-5-2007	Nghị quyết số 104/2007/NQ-HĐND-KXVI sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban và Thư ký kỳ họp HĐND tỉnh Phú Thọ khoá XVI, nhiệm kỳ 2004-2009.	57
31-5-2007	Nghị quyết số 105/2007/NQ-HĐND về việc cho ông Triệu Văn Đạt thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh vì lý do chuyển công tác.	62
31-5-2007	Nghị quyết số 106/2007/NQ-HĐND về việc cho ông Nguyễn Ngọc Liên thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh vì lý do chuyển công tác.	63
31-5-2007	Nghị quyết số 107/2007/NQ-HĐND về việc cho ông Nguyễn Văn Sản thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh vì lý do chuyển công tác.	64
31-5-2007	Nghị quyết số 108/2007/NQ-HĐND về việc cho ông Nguyễn Hữu Điền thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh vì lý do nghỉ chế độ.	65
31-5-2007	Nghị quyết số 109/2007/NQ-HĐND về việc bãi nhiệm hội thẩm Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với ông Đinh Tuấn Đạt.	66

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 97/2007/NQ-HĐND

Việt Trì, ngày 31 tháng 5 năm 2007

NGHỊ QUYẾT
Về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Phú Thọ đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; Nghị định 99/2006/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Sau khi xem xét Tờ trình số 994/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của UBND tỉnh về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Tán thành thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020. Hội đồng nhân dân tỉnh nhấn mạnh một số nội dung sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2005

Sau khi tỉnh Phú Thọ được tái lập (01/1997), UBND tỉnh đã tiến hành xây dựng Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 và tổ chức triển khai thực hiện. Việc sớm thông qua Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã tạo cơ sở pháp lý cho các cấp, các ngành nghiên cứu xây dựng các quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2005, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Qua 10 năm triển khai thực hiện, hầu hết các mục tiêu quy hoạch 1998 đề ra trong giai đoạn 2000 - 2005 đã được triển khai có hiệu quả, đúng hướng, nhất là việc triển khai có hiệu quả 4 trọng điểm đã xác định là: Quản lý, sử dụng quỹ đất để phát triển nông lâm nghiệp; phát triển sản xuất công nghiệp, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

Về phát triển kinh tế - xã hội: Thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là đã đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ, sản lượng lương thực đạt 430 ngàn tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 324,8 kg; bước đầu hình thành một số vùng sản xuất tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa (vùng trồng cây ăn quả, vùng chè...). Trong công nghiệp, các ngành có lợi thế như: Giấy bìa, hoá chất, phân bón, vật liệu xây dựng, dệt may... tiếp tục ổn định và phát triển, với sự tham gia của các thành phần kinh tế; các ngành nghề truyền thống (trạm khắc gỗ, mây tre đan) được khôi phục. Các ngành dịch vụ hoạt động có chuyển biến và hiệu quả hơn; dịch vụ vận tải tăng nhanh, bưu chính viễn thông phát triển nhanh theo hướng hiện đại; các ngành Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm v.v... đều có bước phát triển. Dịch vụ du lịch bước đầu được chú trọng, đến nay đã cơ bản hình thành một số khu, điểm du lịch lễ hội, du lịch sinh thái như: Khu di tích lịch sử Đền Hùng, Vườn quốc gia Xuân Sơn, Khu nước khoáng nóng Thanh Thủy, thu hút sự quan tâm của khách du lịch trong và ngoài nước.

Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển đạt kết quả khá, đến nay đã hình thành cơ bản các kết cấu hạ tầng thiết yếu, tương đối đồng bộ về giao thông, thuỷ lợi, điện, hạ tầng dịch vụ, văn hoá - xã hội. Hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế đạt kết quả tích cực, hết năm 2005 đã thu hút được 56 dự án, vốn đăng ký trên 440 triệu USD. Hoạt động xuất nhập khẩu có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng; giá trị xuất khẩu năm 2005 đạt 116,6 triệu USD, tăng 48,6% so với năm 2000. Quan hệ sản xuất tiếp tục được củng cố và phát triển; các loại hình doanh nghiệp tư nhân tiếp tục tăng nhanh cả về số lượng và quy mô, hiện có trên 1.400 doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, vốn đăng ký 2.500 tỷ đồng. Khu vực kinh tế tập thể, kinh tế trang trại tiếp tục được củng cố và tạo điều kiện phát triển.

Các lĩnh vực xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá thông tin, thể thao, hoạt động báo chí xuất bản, văn học nghệ thuật có những tiến bộ vượt bậc, đã phát huy tác dụng nâng cao trình độ nhận thức, mức hưởng thụ văn hoá, tinh thần trong nhân dân. Công tác đào tạo nghề trong các cơ sở dạy nghề được mở rộng; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 29%; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi ở khu vực thành thị 3,4%, thời gian sử dụng lao động nông thôn đạt 80%; giải quyết việc làm cho trên 74,14 nghìn người, xuất khẩu lao động trên 11 nghìn người. Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, khám chữa bệnh cho người nghèo, cho trẻ em được chú trọng. Công tác phòng chống HIV/AIDS triển khai khá đồng bộ và có hiệu quả. Công tác dân số, gia đình và trẻ em tiếp tục có chuyển biến. Đời sống dân cư tiếp tục được cải thiện, GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 5,25 triệu đồng, tăng 1,65 lần so năm 2000. Các nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại, học hành của nhân dân được cải thiện đáng kể, số hộ nông dân có nhà kiên cố và phương tiện sinh hoạt hiện đại tăng lên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội của Phú Thọ vẫn còn bộc lộ tồn tại, hạn chế đó là:

- *Kinh tế của tỉnh phát triển chưa vững chắc, hiệu quả chưa cao; chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế còn chậm; tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đối với tăng hiệu quả kinh tế - xã hội chưa rõ nét; chất lượng, hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp chưa cao, việc gắn kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm còn nhiều hạn chế.*

Công nghiệp phát triển chưa vững chắc, doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng nhanh nhưng chủ yếu quy mô nhỏ, chưa tạo ra sản phẩm hàng hoá có thương hiệu và tạo nguồn thu lớn cho ngân sách. Khai thác và phát huy tiềm năng, thế mạnh của du lịch và các ngành dịch vụ còn yếu. Thu hút đầu tư và hiệu quả đầu tư trong một số ngành, lĩnh vực còn thấp, nguồn thu từ nội địa tăng chậm, chưa có tích lũy cho đầu tư phát triển; cân đối thu chi ngân sách trên địa bàn vẫn khó khăn.

- *Chất lượng hoạt động một số lĩnh vực văn hoá - xã hội chưa được nâng cao, cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới. Công tác xã hội hoá trong các lĩnh vực xã hội chuyển biến chậm; chuyển dịch cơ cấu lao động chưa mạnh, trình độ của người lao động nhìn chung còn thấp. Chênh lệch về mức sống, y tế, giáo dục, văn hoá giữa các vùng còn lớn. Các tệ nạn xã hội như cờ bạc, ma tuý vẫn là vấn đề bức xúc; đấu tranh chống các hủ tục mê tín, dị đoan, tệ nạn xã hội chuyển biến chậm, ý thức chấp hành giao thông trong nhân dân chưa cao.*

II. QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH PHÚ THỌ ĐẾN NĂM 2020

1. Quan điểm phát triển

a) Đảm bảo nguyên tắc phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đảm bảo mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đặc biệt là giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, kết hợp giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh, quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh.

b) Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; trên cơ sở phát huy các lợi thế của tỉnh và phát triển thị trường. Huy động tối đa nội lực, gắn với thu hút mạnh nguồn lực bên ngoài, nhất là vốn đầu tư và khoa học công nghệ; khuyến khích phát triển mọi thành phần kinh tế.

c) Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và bảo vệ di sản văn hoá, đảm bảo phát triển bền vững, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hoá.

d) Đẩy mạnh tốc độ đô thị hoá, đi đôi với nâng cao chất lượng cuộc sống đô thị. Kết hợp giữa phát triển đô thị như một trung tâm phát triển với phát triển nông nghiệp, nông thôn, giảm dần sự chênh lệch về phát triển giữa các vùng trong tỉnh.

g) Coi trọng chiến lược phát triển con người, nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, nhất là đồng bào vùng núi và các đối tượng chính sách.

2. Mục tiêu phát triển

a) **Mục tiêu tổng quát:** Xây dựng Phú Thọ trở thành trung tâm kinh tế vùng; là một trong những trung tâm khoa học, công nghệ; Giáo dục - đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao, Du lịch của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ; là đầu mối giao thông quan

trọng nội vùng và là thành phố lễ hội về nguồn của dân tộc Việt Nam. Đồng thời là địa bàn trọng điểm chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng cũng như của cả nước.

Phấn đấu đến năm 2010 cơ bản ra khỏi tình nghèo và năm 2020 đạt được các tiêu chí của tỉnh công nghiệp và là một trong những tỉnh phát triển thuộc nhóm hàng đầu của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Các chỉ tiêu về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 12,1% - 12,4%/năm thời kỳ 2006 - 2010; 11,7% thời kỳ 2011 - 2015 và 11,5%/năm thời kỳ 2016 - 2020; GDP bình quân đầu người đạt 840 - 850 USD vào năm 2010; 1.600 - 1.650 USD vào năm 2015 và đạt 3.000 - 3.050 USD vào năm 2020 (giá thực tế);

+ Cơ cấu kinh tế chuyển đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Giai đoạn 2006 - 2010, cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp xây dựng là 45 - 46%, dịch vụ 35 - 36%, nông lâm nghiệp 19 - 20%; giai đoạn 2011 - 2020 cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp - xây dựng là 50 - 51%, dịch vụ 40 - 41%, nông lâm nghiệp 9 - 10%;

+ Thu ngân sách đến năm 2010 chiếm tỷ trọng 11,5 - 12% GDP và đạt 17 - 18% GDP vào năm 2020; kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 300 - 320 triệu USD và đạt 500 - 520 triệu USD vào năm 2020;

+ Huy động vốn đầu tư toàn xã hội cả thời kỳ 2006 - 2020 đạt 124 - 125 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2006 - 2010 đạt 28 - 29 nghìn tỷ đồng; giai đoạn 2011 - 2015 đạt 35 - 36 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2006 - 2020 đạt 60 - 61 nghìn tỷ đồng.

- Các chỉ tiêu về xã hội:

+ Duy trì kết quả phổ cập trung học cơ sở; hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học vào năm 2015; nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, văn hóa thể thao và giá trị văn hóa tinh thần của nhân dân;

+ Đến năm 2010 có 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; có 7 Bác sỹ và 22,3 giường bệnh/1 vạn dân; năm 2015 có 9 Bác sỹ và 28 giường bệnh/1 vạn dân và đến năm 2020 có 11 Bác sỹ và 30 giường bệnh/1 vạn dân; thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40% vào năm 2010 và 70- 75% vào năm 2020; giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 10% vào năm 2010 và dưới 5% vào năm 2020.

- Các chỉ tiêu về môi trường:

+ Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 48,6% năm 2010 và trên 55% năm 2020;

+ Từ nay đến năm 2010 có 100% cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc trang thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 50% số huyện, thành, thị xử lý, chế biến được rác thải; 100% bệnh viện được xử lý chất thải nguy hại; tỷ lệ hộ được dùng nước sạch sinh hoạt đạt 85%;

+ Đến năm 2020 có 100% dân số được dùng nước sinh hoạt, trong đó trên 90% được cấp nước sạch; 100% số hộ nông dân có công trình vệ sinh hợp quy cách.

3. Định hướng phát triển trọng điểm, phát triển ngành và lĩnh vực

a) Phương hướng phát triển 4 trọng điểm chủ yếu:

- *Trọng điểm thứ nhất:* Đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch và nâng cao chất lượng cơ cấu trong công nghiệp bằng phát triển các ngành chủ lực như: Phát triển mạnh các ngành có lợi thế về tài nguyên; phát triển nhanh công nghiệp cơ khí, điện tử, công nghiệp phụ trợ gắn với khu công nghiệp; công nghiệp hàng tiêu dùng; đẩy nhanh tốc độ xây dựng khu công nghiệp tập trung, hình thành các khu công nghiệp mới, các cụm công nghiệp vừa và nhỏ, phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

- *Trọng điểm thứ hai:* Phát triển dịch vụ và du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, tập trung phát triển một số ngành dịch vụ chất lượng cao như: Tài chính, Ngân hàng, Viễn thông, Công nghệ thông tin, thị trường bất động sản...;

- *Trọng điểm thứ ba:* Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ưu tiên phát triển vùng kinh tế Việt Trì - Lâm Thao - Phù Ninh - thị xã Phú Thọ và các khu, cụm công nghiệp. Hoàn thành việc xây dựng các dự án trọng điểm về giao thông (đường cao tốc Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai, đường Hồ Chí Minh, cầu Đức Bác, cầu Ngọc Tháp...).

- *Trọng điểm thứ tư:* Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ. Phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo đại học, cao đẳng và dạy nghề của tỉnh đạt trình độ quốc gia và quốc tế.

b) Định hướng phát triển ngành và lĩnh vực.**- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:**

+ Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các khu công nghiệp để thu hút các dự án vào các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, có lợi thế cạnh tranh và có vai trò đột phá trong phát triển kinh tế của tỉnh như: Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, điện tử, cơ khí, sản xuất xi măng, rượu, bia, khai thác chế biến khoáng sản, chế biến nông sản, thực phẩm...;

+ Thực hiện đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phân đấu có nhiều sản phẩm có thương hiệu, đảm bảo tồn tại và phát triển trong cạnh tranh, hội nhập quốc tế. Tập trung phát triển tiểu thủ công nghiệp, gắn với công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn. Phát triển và khôi phục các làng nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ.

Phân đấu giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng bình quân cả thời kỳ 2006 - 2020 tăng 13 - 14%, trong đó giai đoạn 2006 - 2010 tăng 14 - 15%; giai đoạn 2011 - 2015 tăng 12,5 - 13%, giai đoạn 2016 - 2020 tăng 13%. Các sản phẩm chủ yếu đến năm 2020: Xi măng 6 triệu tấn, gạch ceramic 13 - 14 triệu m², giấy 1.500 nghìn tấn, bia các loại 100 - 120 triệu lít, vải thành phẩm 220 - 230 triệu m², may mặc 40 - 41 triệu sản phẩm v.v...

- Phát triển các ngành dịch vụ:

+ Phát triển đồng bộ và nâng cao chất lượng các hoạt động các ngành dịch vụ đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế như: Vận tải, Du lịch, Bảo hiểm, Ngân hàng, Dịch vụ việc làm; các dịch vụ mới có hàm lượng trí tuệ cao, dịch vụ phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp và đời sống nhân dân.

+ Khai thác tiềm năng du lịch trên cơ sở phát huy các lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn để đa dạng hóa sản phẩm các loại hình du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Tập trung xây dựng các tuyến du lịch trọng điểm của tỉnh, như: Khu du lịch Văn Lang, Khu di tích lịch sử Đền Hùng, nước khoáng nóng Thanh Thủy, Vườn quốc gia Xuân Sơn, Ao Châu (Hạ Hòa)...;

+ Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, du lịch và hoạt động xuất nhập khẩu, nâng cao năng lực và hiện đại hóa cảng ICD (Thủy Vân); phát triển trung tâm thương mại lớn, sàn giao dịch, trung tâm đấu giá, trung tâm triển lãm, hội chợ ở thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và một số huyện trọng điểm; phát triển nhanh mạng lưới chợ đầu mối, chợ nông thôn.

+ Mở rộng các hoạt động hợp tác kinh doanh với các địa phương trong và ngoài nước. Tập trung phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, có thế mạnh của tỉnh như: Chè, giấy, vật liệu xây dựng, giày thể thao, sản phẩm may, các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ...;

Phân đấu giá trị gia tăng ngành dịch vụ bình quân thời kỳ 2006 - 2020 tăng 13,6%/năm, trong đó: Giai đoạn 2006 - 2010 tăng 14 - 15%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 tăng 13,5 - 14% và giai đoạn 2016 - 2020 tăng 12 - 13%.

- Phát triển nông lâm nghiệp, thủy sản:

+ Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với tiềm năng và lợi thế so sánh của tỉnh. Phát triển nhanh các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, đảm bảo đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu tạo sự liên kết bền vững giữa vùng sản xuất nguyên liệu với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

+ Thực hiện có hiệu quả các chương trình kinh tế nông nghiệp trọng điểm, nhất là chương trình phát triển cây chè, cây nguyên liệu giấy, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi bò thịt, trồng cây gỗ lớn, cây ăn quả và đảm bảo an toàn lương thực.

+ Đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn theo hướng tập trung phát triển các ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế nông thôn và tăng cường đầu tư từ ngân sách Nhà nước, đa dạng hoá các nguồn vốn nhằm hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Phân đấu giá trị gia tăng ngành nông lâm nghiệp cả thời kỳ 2006 - 2020 tăng trên 4%, trong đó: Giai đoạn 2006 - 2010 tăng 4 - 4,5%, giai đoạn 2011 - 2020 tăng trên 4%. Đến năm 2020 sản lượng lương thực đạt 48 - 50 vạn tấn; tổng đàn bò trên 180 nghìn con, trong đó bò thịt trên 50 nghìn con; tổng đàn lợn 1.200 nghìn con, đàn gia cầm 15 triệu con; sản lượng thủy sản khai thác 40 - 45 nghìn tấn; độ che phủ rừng trên 55%.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chủ yếu:

+ Về giao thông: Đầu tư đồng bộ các tuyến đường cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ, đường giao thông nông thôn và hệ thống giao thông đô thị; các đường vào khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch và các tuyến đường đầu nối với đường xuyên Á, đường Hồ Chí Minh. Cải tạo, nâng công suất của cảng Việt Trì, Bãi Bằng, xây dựng cảng tổng

hợp tại thị xã Phú Thọ; cải tạo, nâng cấp các hệ thống nhà ga và di chuyển tuyến đường sắt ra khỏi trung tâm thành phố Việt Trì.

+ *Về nông, lâm nghiệp*: Tập trung đầu tư khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, các trung tâm sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; đầu tư tăng năng lực tưới tiêu các công trình thủy lợi; kiên cố hóa kênh mương, các dự án thủy lợi vùng đồi; hệ thống hồ, đập, cống tự chảy, các bờ bao, hệ thống đê sông đáp ứng yêu cầu sản xuất và giảm nhẹ thiên tai.

+ *Về phát triển lưới điện*: Đầu tư mở rộng, nâng công suất các trạm 220 KV, 110 KV và hệ thống lưới truyền tải; đảm bảo 100% số hộ được dùng điện, cung ứng đủ nhu cầu điện năng phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ *Về thông tin liên lạc*: Đầu tư hạ tầng về công nghệ thông tin, đảm bảo 100% số xã có điểm truy nhập Internet công cộng và có các điểm bưu điện văn hoá xã: 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện và các trường trong hệ thống giáo dục được kết nối Internet.

+ *Về thương mại, dịch vụ*: Tập trung đầu tư hạ tầng du lịch, dịch vụ để hình thành các tuyến du lịch trọng điểm như: Khu du lịch Đền Hùng, Khu du lịch Văn Lang, nước khoáng nóng Thanh Thủy, Vườn quốc gia Xuân Sơn, Đền Mẫu Âu Cơ. Xây dựng Trung tâm hội nghị, khách sạn đạt tiêu chuẩn Quốc tế, phát triển hệ thống siêu thị và xây dựng chợ đầu mối, chợ thương mại.

+ *Về hạ tầng đô thị*: Đầu tư mở rộng và phát triển hệ thống đường nội thị, các điểm vui chơi, quảng trường và các khu đô thị mới tại thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ; đầu tư mở rộng các Trung tâm, thị trấn, thị tứ của các huyện, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển đô thị và điểm dân cư của tỉnh đến năm 2020.

+ *Về hạ tầng các cụm, khu công nghiệp*: Tập trung thu hút vốn đầu tư, từng bước hoàn thiện hệ thống các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn, chú trọng phát triển nhanh các khu, cụm công nghiệp ở thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và dọc hành lang các tuyến đường quốc lộ, đường xuyên Á, đường Hồ Chí Minh theo quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp đến năm 2020 của tỉnh.

+ *Về các lĩnh vực xã hội*: Tập trung nguồn lực xây dựng Trường Đại học Hùng Vương, đầu tư nâng cấp một số trường cao đẳng thành Đại học và một số Trường TNCN thành cao đẳng, nâng cấp cơ sở đào tạo, dạy nghề và tăng cường cơ sở vật chất các trường thuộc hệ thống giáo dục. Hiện đại hóa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa đạt tiêu chuẩn cấp vùng, các Trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh, tuyến huyện và phòng khám đa khoa khu vực; các trạm y tế xã, phường đạt tiêu chuẩn Quốc gia. Đầu tư tôn tạo phục hồi các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao đáp ứng yêu cầu Trung tâm văn hóa, y tế, thể thao của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

- Phát triển khoa học, công nghệ và các lĩnh vực xã hội:

+ *Về phát triển khoa học và công nghệ*: Phát triển mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo, tạo động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức. Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về khoa học và công nghệ, trong đó ưu phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học trên địa bàn gắn với việc đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ khoa

học; tăng cường tiếp thu, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế.

Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai các hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ. Hoàn thiện mô hình quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9000: 2001) tại các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp. Thực hiện tốt các quy định về đăng ký bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

+ *Về giáo dục, đào tạo và dạy nghề*: Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập THCS và hoàn thành mục tiêu phổ cập bậc trung học vào năm 2015. Phát triển mạng lưới trường lớp theo hướng mở rộng, đa dạng hoá các loại hình giáo dục và đào tạo. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, dạy nghề theo hướng chuẩn hoá. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn và trên chuẩn. Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục, xây dựng xã hội học tập. Đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực.

+ *Về lĩnh vực y tế dân số*: Nâng cao chất lượng, hiệu quả các chương trình quốc gia về y tế. Phát triển y tế cộng đồng và các loại hình dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao. Tăng cường công tác khám, chữa bệnh, chú trọng các tuyến huyện, tuyến xã; chủ động phòng chống các dịch bệnh, cơ bản loại trừ các bệnh truyền nhiễm; thực hiện tốt công tác dân số gia đình và trẻ em; nâng cao chất lượng dân số, cải tạo giống nòi và nâng cao tuổi thọ, cải thiện môi trường sống ở đô thị và nông thôn một cách bền vững.

+ *Về Văn hóa thông tin, thể dục thể thao*: Đầu tư các công trình văn hoá, thể thao, xây dựng Phú Thọ thành một trong những Trung tâm văn hoá thông tin, thể thao hàng đầu của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ. Đẩy mạnh xã hội hóa trong việc phát triển văn hóa nhằm huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, các thiết chế văn hóa, bảo tồn, tôn tạo di sản văn hóa. Khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vùng đất Tổ. Nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, xuất bản, văn học nghệ thuật v.v...;

Thực hiện tốt cuộc vận động ‘Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư’. Đẩy mạnh các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện thể chất; phát triển thể thao quần chúng; chú trọng, bồi dưỡng các vận động viên năng khiếu để phát triển một số môn thể thao thành tích cao.

+ *Các lĩnh vực xã hội khác*: Thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị, nâng cao thời gian sử dụng lao động ở nông thôn; đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Thực hiện các chính sách xã hội, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cơ bản và cải thiện rõ rệt cho các tầng lớp dân cư về ăn, ở, mặc, đi lại, học hành, chữa bệnh và hưởng thụ văn hoá, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Về an ninh quốc phòng:

Tăng cường và củng cố tiềm lực quốc phòng gắn với chiến lược phòng thủ các tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Gắn phát triển kinh tế với củng cố an ninh quốc phòng, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Tăng cường đầu tư, hiện đại hóa

cơ sở vật chất cho các khu căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương trong khu vực phòng thủ và các cơ sở đào tạo quân sự, quốc phòng trên địa bàn; đảm bảo tính cơ động, sẵn sàng chiến đấu cao và chủ động đối phó với mọi tình huống.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và sức mạnh của quần chúng trong việc kiểm chế, giảm tội phạm, giữ vững an ninh xã hội trên địa bàn. Chủ động đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Tập trung lực lượng đấu tranh giải quyết tốt các tệ nạn xã hội. Xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ trật tự xã hội trên địa bàn; tăng cường cán bộ an ninh cơ sở, an ninh nhân dân.

- Về phát triển không gian lãnh thổ:

- *Định hướng phát triển không gian đô thị:* Phát triển thành phố Việt Trì: Tập trung đầu tư phát triển toàn diện thành phố Việt Trì, trọng tâm là đầu tư kết cấu hạ tầng Đô thị, phát triển công nghiệp công nghệ cao, du lịch - dịch vụ, giáo dục - đào tạo và các thiết chế văn hóa - thể thao đồng bộ, hiện đại, từng bước trở thành một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ. Phấn đấu xây dựng thành phố Việt Trì trở thành thành phố lễ hội và đạt đô thị loại I vào năm 2015.

Phát triển thị xã Phú Thọ: Đầu tư nâng cấp xây dựng hạ tầng đô thị, chỉnh trang đô thị thị xã Phú Thọ, mở rộng quy mô và dân số, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, phấn đấu trở thành đô thị loại III vào năm 2010 và là một trong những trung tâm phát triển cho các huyện phía Tây Bắc và trung tâm vùng trên một số lĩnh vực như: Đào tạo nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, dịch vụ...;

Đối với các đô thị khác: Mở rộng và nâng cấp một số thị trấn lên thị xã theo quy hoạch phát triển đô thị và diêm dân cư đến năm 2015. Tiếp tục phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang các đô thị các thị trấn huyện lỵ; các thị tứ, trung tâm cụm xã trong toàn tỉnh.

- Định hướng không gian phát triển kinh tế - xã hội theo vùng:

+ *Vùng tả ngạn sông Hồng (Hạ Hòa, Thanh Ba, Đoan Hùng, Việt Trì - Lâm Thao - Phù Ninh - Thị xã Phú Thọ):* Phát triển đa dạng các sản phẩm nông nghiệp (sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng cây công nghiệp dài ngày (chè, cây ăn quả bưởi, hồng không hạt...), đặc biệt là nông nghiệp ven đô; phát triển nuôi trồng thủy sản; chăn nuôi gia súc, gia cầm; phát triển dịch vụ, thương mại và du lịch lễ hội về cội nguồn và phát triển các sản phẩm công nghiệp trọng điểm ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Tiểu vùng kinh tế động lực Việt Trì - Lâm Thao - Phù Ninh - Thị xã Phú Thọ tiếp tục thể hiện vai trò chủ đạo thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh, thu hút các dự án đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm thương mại, du lịch, dịch vụ và nhà ở chất lượng cao, các khu vui chơi giải trí,... để đóng góp lớn hơn vào tăng GDP của tỉnh, có tác dụng lôi kéo và hỗ trợ các vùng khác phát triển

+ *Vùng hữu ngạn sông Hồng (Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Cẩm Khê, Tam Nông, Thanh Thủy):* Phát huy những lợi thế của vùng để tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh về đất rừng để phát triển vùng trồng cây nguyên liệu (chè, giấy...), cây lấy gỗ; chăn nuôi gia súc, gia cầm theo mô hình kinh tế trang trại. Phát triển công nghiệp khai

thác, chế biến khoáng sản, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, khôi phục và phát triển các làng nghề, tiểu thủ công nghiệp (mây, tre, trúc, gỗ...). Tập trung thu hút vốn đầu tư phát triển các cơ sở dịch vụ, du lịch, để khai thác các điểm du lịch sinh thái hấp dẫn trong hệ thống các tuyến, điểm du lịch của tỉnh.

4. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện quy hoạch

a) Về huy động vốn đầu tư:

- *Đối với nguồn vốn ngân sách:* Huy động tối đa các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn; có chính sách phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp và các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu khác.

- *Đối với các nguồn vốn bên ngoài:* Cùng với việc làm tốt công tác thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), cần tranh thủ các nguồn vốn ODA để tập trung cho các dự án giao thông, thủy lợi, y tế tuyến tỉnh, huyện; nước sinh hoạt; xử lý nước thải, vệ sinh môi trường; phát triển lưới điện nông thôn, hạ tầng đô thị.

- *Đối với nguồn vốn huy động của dân và doanh nghiệp:* Có cơ chế, chính sách đề động viên, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh thực hiện chính sách xã hội hoá, khuyến khích nhân dân tham gia các dự án phát triển hạ tầng kinh tế, hạ tầng văn hóa - xã hội theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm.

b) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

Tập trung phát triển quy mô và mạng lưới đào tạo, tăng cường năng lực đào tạo các Trường Cao đẳng, Trung cấp, các cơ sở đào tạo nghề, tiến tới thành lập Trường Đại học dạy nghề đa ngành, chú trọng đầu tư các Trường Cao đẳng nghề, cơ sở dạy nghề trên địa bàn. Đẩy mạnh kết hợp đào tạo và nghiên cứu khoa học, liên thông giữa đào tạo và sử dụng lao động, chú trọng việc liên kết đào tạo nghề đối với người lao động nông nghiệp và đồng bào vùng sâu, vùng xa

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đào tạo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục và dạy nghề. Đẩy mạnh xã hội hóa và mở rộng hợp tác quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực cho phù hợp với định hướng phát triển ngành nghề sản xuất, kinh doanh, tạo động lực khuyến khích người lao động phát huy sức lực, trí tuệ nhằm nâng cao hiệu quả lao động. Có chính sách thu hút nguồn lao động chất lượng cao từ các địa phương khác đến làm việc tại tỉnh.

c) Phát triển khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường:

Gắn phát triển khoa học, công nghệ với sản xuất, đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào các ngành sản xuất và dịch vụ. Tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng đại trà những tiến bộ khoa học vào sản xuất.

Phát triển mạnh nguồn nhân lực cho khoa học, công nghệ; sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và có chính sách thu hút cán bộ khoa học về công tác